

PHỤ LỤC

Dự án: Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 24B đoạn KM23-Km29

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Sơn Tịnh)

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Cây cối, hoa màu	Tờ bản đồ trích đo	Số thửa	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian trồng hộ dân kê khai	Ghi chú
1	Bà Tôn Thị Hoài Trinh							
		Cau đã cho quả	1	8	cây	1,0	2019	
		Cây Huỳnh đàn có đường gốc > 16cm đến ≤ 20 cm	1	8	cây	1,0	2019	
2	Hộ ông Lê Văn Hoa							
		Cây Lộc Vừng có đường kính gốc > 30cm đến < 50cm	1	9	cây	1,0	2015	
		Cây Mai có chiều cao ≥ 0,5m	1	9	cây	2,0	2025	
3	Ông Nguyễn Đức Phải							
		Cây bồ đề có đường kính gốc > 50cm	1	10	cây	1,0	2006	
4	Ông Trần Cao Tuyển							
		Cây lá cảnh (hoa đại tướng quân)	1	12	cây	10,0	2015	
		Hoa ngâu có chiều cao ≥ 0,5m	1	12	cây	3,0	2010	
		Cây quất có chiều cao ≥ 2m	1	12	cây	1,0	2010	
		Cây Mai có chiều cao ≥ 0,5m	1	12	cây	3,0	2010	
5	Hộ bà Phạm Thị Loan							
		Cây lá cảnh thiết mộc lan	1	59	cây	16,0	2020	
		Cau đã cho quả	1	59	cây	2,0	2000	
		Xoài, nhãn, chôm chôm hạt có đường kính gốc ≥ 45cm, đã cho quả	1	59	cây	1,0	2000	
		Chanh trồng hạt có tán rộng ≥ 2m, đã cho quả	1	59	cây	1,0	2000	
		Chanh trồng hạt tán rộng ≥ 1m, chưa cho quả	1	59	cây	1,0	2000	
		Cây Gừng, Nghệ	1	59	m ²	1,0	2025	
		Ôi trồng hạt đã cho quả	1	59	cây	1,0	2000	
		Mít trồng hạt đã cho quả, có đường kính gốc ≥ 30cm đến < 45 cm	1	59	cây	1,0	2000	
		Xoài, nhãn, chôm chôm hạt có đường kính gốc < 20cm, đã cho quả	1	59	cây	1,0	2000	
		Cây Huỳnh đàn có đường gốc > 8cm đến ≤ 12 cm	1	59	cây	6,0	2000	

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Cây cối, hoa màu	Tờ bản đồ trích đo	Số thửa	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian trồng hộ dân kê khai	Ghi chú
		Cây Huỳnh đàn có đường gốc > 16cm đến ≤ 20 cm	1	59	cây	4,0	2000	
		Cây lá cảnh lưỡi hổ	1	59	cây	23,0	2020	
6	Hộ ông Phạm Văn Đông							
		Cau đã cho quả	1	60	cây	4,0	2000	
		Cây lá cảnh thiết mộc lan	1	60	cây	3,0	2020	
		Cây Huỳnh đàn có đường gốc > 16cm đến ≤ 20 cm	1	60	cây	2,0	2000	
7	Ông Nguyễn Văn Tấn và Bà Trần Thị Kim Ngân							
		Cây Cỏ các loại (Cỏ Voi)	1	67	m ²	18,0	2025	
8	Hộ bà Nguyễn Thị Thanh Bình							
		Cây hoa giấy leo giàn có chiều cao $\geq 0,5$ m	1	69	cây	1,0	2011	
		Cây trầu bà leo giàn có chiều cao $\geq 0,5$ m	1	69	cây	5,0	2021	
		Cây lá cảnh (thiết mộc lan)	1	69	cây	10,0	2021	
		Cây sanh (sì) có đường kính gốc > 10cm đến < 30cm	1	69	cây	3,0	2021	
		Cây lộc vừng có đường kính gốc > 50cm	1	69	cây	2,0	2016	
		Cây lá cảnh (địa lan)	1	69	cây	2,0	2021	
9	Bà Tôn Thị Quỳnh Như							
		Cây lim xanh có đường gốc > 16cm đến ≤ 20 cm	1	75	cây	1,0	1996	
10	Ông Kiều Minh Đạo							
		Bắp	1	77	m ²	49,8	12/2025	
11	Ông Kiều Minh Đoàn							
		Bắp	1	78	m ²	47,7	12/2025	
10	Hộ ông Lê Văn Minh							
		Cau đã cho quả	1	111	cây	10,0	2020	
		Cây sung đã cho quả	1	111	cây	1,0	2018	
		Vú sữa, bơ trồng hạt có chiều cao thân cây ≥ 1 m, đường kính gốc 3 - < 5 cm, chưa cho quả	1	111	cây	1,0	2021	
		Mít trồng hạt có chiều cao thân cây ≥ 1 m, chưa cho quả	1	111	cây	1,0	2021	
		Cây lá cảnh (chuối quạt)	1	111	cây	22,0	2023	

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Cây cối, hoa màu	Tờ bản đồ trích đo	Số thửa	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian trồng hộ dân kê khai	Ghi chú
		Cây lá cảnh (đại tướng quân)	1	111	cây	10,0	2023	
		Mãng cầu (na) có chiều cao thân Mãng cầu (na) < 1m, chưa cho quả	1	111	cây	1,0	2025	
		Cây lá cảnh (cây trạng nguyên)	1	111	cây	2,0	2023	
		Cây dừa đã cho quả	1	111	bụi	11,0	2023	
		Cây sanh (si) có đường kính gốc > 50cm	1	111	cây	1,0	2005	
		Cây lá cảnh (cây xương rồng)	1	111	cây	1,0	2023	
13	Hộ ông Đào Tấn Hải							
		Cây hoa giấy đã leo giàn có chiều cao $\geq 5m$	1	127	cây	1,0	2015	
		Cau đã cho quả	1	127	cây	1,0	2015	
		Cà chua	1	127	m ²	22,5	2026	
		Murôp đắng	1	127	m ²	6,7	2026	
14	Bà Tôn Thị Quỳnh My							
		Cây lá cảnh (hoa đại tướng quân)	1	147	cây	1,0	2015	
		Cây mai có chiều cao $\geq 0,5m$	1	147	cây	3,0	2015	
		Cây bông trang có chiều cao $\geq 0,5m$	1	147	cây	1,0	2015	
	Ông Nguyễn Văn Thanh							
		Cây bồ đề có đường kính gốc > 10cm đến < 30cm	1	177	cây	1,0	2016	
		Cây lộc vừng có đường kính gốc > 10cm đến < 30cm	1	177	cây	1,0	2016	
		Cây sanh (si) có đường kính gốc > 10cm đến < 30cm	1	177	cây	1,0	2016	
		Cây đã leo giàn có chiều cao $\geq 5m$	1	177	cây	5,0	2016	
16	Bà Kiều Thị Mai Hiệp và Ông Lương Phước Thọ							
		Cau đã cho quả	1	181	cây	17,0	2010	
		Vú sữa, bơ trồng hạt có đường kính gốc $\geq 40cm$, đã cho quả	1	181	cây	2,0	1975	
		Xoài, nhãn, chôm chôm hạt có đường kính gốc $\geq 45cm$, đã cho quả	1	181	cây	2,0	1930	
		Cây lá cảnh (hoa đại tướng quân)	1	181	cây	11,0	2020	
		Cây có đường kính gốc > 50cm	1	181	cây	1,0	2020	
		Xoài, nhãn, chôm chôm hạt có đường kính gốc $\geq 45cm$, đã cho quả	1	181	cây	1,0	2020	

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Cây cối, hoa màu	Tờ bản đồ trích đo	Số thửa	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian trồng hộ dân kê khai	Ghi chú
17	Ông Kiều Minh Đức							
		Bắp	1	183	m ²	51,1	12/2025	
18	Ông Nguyễn Văn Công							
		Cây hoa giấy đã leo giàn có chiều cao $\geq 5m$	1	49	cây	2,0	2015	
		Mãng cầu (na) đã cho quả	1	49	cây	1,0	2022	
		Cây lá cảnh (đại tướng quân)	1	49	cây	1,0	2025	
		Trúc già sử dụng được	1	49	cây	7,0	2020	
19	Ông Nguyễn Thành Quang							
		Cây lá cảnh thiết mộc lan	1	48	cây	10,0	2014	
20	Hộ ông Nguyễn Bé							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	2	795	m ²	269,3	12/2025	
21	Hộ bà Đặng Thị Thu							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	2	1606	m ²	272,5	12/2025	
22	Hộ bà Trần Thị Lạ (chết) Ông Nguyễn Xuân Diệu là người thừa kế							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	2	1693	m ²	288,3	12/2025	
23	Hộ ông Võ Văn Hiền							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	4	933	m ²	123,7	12/2025	
24	Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết và Bà Nguyễn Thị Hương Lan							
		Cây Chuối ra hoa (bắp chuối), cho quả	4	1079	cây	10,0	2017	
		Cây Chuối con đến chưa cho quả	4	1079	cây	7,0	2017	
25	Hộ ông Trịnh Duy Đức							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	4	941	m ²	245,4	12/2025	
26	Hộ ông Nguyễn Hùng							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	4	928	m ²	413,2	12/2025	
27	Hộ ông Trịnh Minh Tân							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	4	932	m ²	108,5	12/2025	
28	Hộ ông Trịnh Điều (chết) ông Trịnh Duy Khánh là người thừa kế							

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Cây cối, hoa màu	Tờ bản đồ trích đo	Số thửa	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian trồng hộ dân kê khai	Ghi chú
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	4	877	m ²	494,8	12/2025	
29	Bà Nguyễn Thị kế							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	4	868	m ²	709,0	12/2025	
30	Ông Nguyễn Tuấn Kiệt							
		Cỏ voi	4	1328	m ²	194,9	12/2025	
		Bắp	4	1327	m ²	58,6	12/2025	
31	Ông Phạm Vũ Lâm							
		Keo có đường gốc > 8cm đến ≤ 12 cm	4	1240	cây	40,0	2022	
		Keo có đường gốc > 4cm đến ≤ 8 cm	4	1240	cây	93,0	2022	
		Keo có đường gốc > 2cm đến ≤ 4 cm	4	1240	cây	40,0	2022	
32	Ông Nguyễn Tấn Phước, Bà Trần Thị Nhân							
		Cây dừa đã cho quả	2	797	cây	1,0	2000	
33	Ông Nguyễn Minh Chung							
		Cây Cây sanh (si) có đường kính gốc > 50cm	2	798	cây	2,0	2009	
		Cây lá cảnh (thiết mộc lan)	2	798	cây	3,0	2020	
		Sao đen có đường gốc > 12cm đến ≤ 16 cm	2	798	cây	1,0	2023	
34	Ông Nguyễn Minh Trí							
		Khế đã cho quả	2	800	cây	1,0	2011	
		Cây lộc vùng có đường kính gốc > 50cm	2	800	cây	2,0	2011	
		Cây Cây sanh (si) có đường kính gốc > 50cm	2	800	cây	1,0	2011	
35	Ông Trần Ngọc Sơn							
		Cây Chuối ra hoa (bắp chuối), cho quả	2	237	cây	15,0	2023	
		Cây Chuối con đến chưa cho quả	2	237	cây	6,0	2023	
36	Bà Trịnh Thị Trà My							
		Cau đã cho quả	2	242	cây	4,0	2020	
		Cau mới trồng có chiều cao thân < 0,5 m, chưa cho quả	2	242	cây	6,0	2026	
		Cây Cò các loại	2	242	m ²	1,5	2025	
		Cau đã cho quả	2	243	cây	4,0	2020	
		Cau mới trồng có chiều cao thân < 0,5 m, chưa cho quả	2	243	cây	6,0	2026	

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Cây cối, hoa màu	Tờ bản đồ trích đo	Số thửa	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian trồng hộ dân kê khai	Ghi chú
		Cây đu đủ đã cho quả	2	243	cây	1,0	2025	
		Cây dừa đã cho quả	2	243	cây	1,0	2000	
		Mít trồng hạt đã cho quả, có đường kính gốc $\geq 30\text{cm}$ đến $< 45\text{ cm}$	2	243	cây	1,0	2001	
		Xoài, nhãn, chôm chôm hạt chưa cho quả	2	243	cây	1,0	2023	
		Chanh trồng hạt tán rộng $< 1\text{m}$, chưa cho quả	2	243	cây	1,0	2025	
37	Ông Lê Văn Hưng, bà Tôn Thị Yến Thu							
		Cây bông trang có chiều cao $\geq 0,5\text{m}$	2	244	cây	1,0	2023	
		Cây sanh (si) có đường kính gốc $> 10\text{cm}$ đến $< 30\text{cm}$	2	244	cây	2,0	2020	
38	Hộ ông Nguyễn Minh Phước							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	3	1247	m ²	391,2	12/2025	
39	Hộ ông Võ Quốc Dũng							
		Cây đu đủ đã cho quả	3	1385	cây	1,0	2025	
		Cây Mía	3	1385	m ²	4,0	2025	
40	Hộ ông Lê Trọng Đức							
		Khế đã cho quả	3	1099	cây	2,0	2004	
41	Ông Lê Trọng Tha							
		Cây lá cảnh (thần tài, thiết mộc lan, hoa...)	3	1103	cây	10,0	2022	
		Cây sanh (si) có đường kính gốc $> 10\text{cm}$ đến $< 30\text{cm}$	3	1100	cây	2,0	2021	
42	Hộ bà Lê Thị Phượng (chết) Bùi Đức Hiền thừa kế							
		Cây Cò các loại	4	1239	m ²	300,5	12/2025	
43	Hộ bà Phạm Thị Hường							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	4	865	m ²	893,1	12/2025	
44	Hộ ông Trịnh Công Trọng (chết) - Người thừa kế hợp pháp ông Trịnh Công Long							
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	4	875	m ²	1180	12/2025	
		Lúa (chưa đến kỳ thu hoạch)	4	1943	m ²	21,3	12/2025	

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Cây cối, hoa màu	Tờ bản đồ trích đo	Số thửa	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian trồng hộ dân kê khai	Ghi chú
----	----------------------	------------------	--------------------	---------	-------------	----------	--------------------------------	---------